

Số: **2471** /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **09** tháng **11** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và

Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều và thay thế phụ lục của Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt danh mục và phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKCN ngày 20/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước Yên Bái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TKTH, TC, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

Yên Bái, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2471** /QĐ-UBND ngày **09** /11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế đánh giá, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều và thay thế phụ lục của Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt danh mục và phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ; cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan chủ quản); cơ quan quản lý nhà nước được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả thực hiện các dịch vụ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành, kết hợp với mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

3. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại quy định này đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ nhưng không trái quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công đó bằng phương thức đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ

1. Dịch vụ lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

a) Chất lượng dịch vụ được căn cứ và xác định trên cơ sở các văn bản: Luật Năng lượng nguyên tử ngày 13/6/2008; Thông tư số 28/2015/TT-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế” (QCVN 11:2015/BKHCN); Thông tư số 02/2016/TT-BKHCN ngày 25/3/2016 của Bộ Khoa học Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang cắt lớp dùng trong y tế” (QCVN 12:2016/BKHCN); Thông tư số 14/2018/TT-BKHCN ngày 15/01/2016 của Bộ Khoa học Công nghệ ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang di động dùng trong y tế” (QCVN 15:2018/BKHCN) và “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang răng dùng trong y tế” (QCVN 17:2018/BKHCN); Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN ngày 20/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ trưởng bộ Y tế - Thông tư liên tịch quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: *(Phụ lục 1)*.

2. Dịch vụ kiểm định phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

a) Chất lượng dịch vụ được căn cứ và xác định trên cơ sở các văn bản: Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về

đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Quyết định số 1148/QĐ-TĐC ngày 29/7/2015 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành Quy trình thực hiện kiểm định đối chứng; Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam ĐLVN 07:2019 và ĐLVN 39:2019.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: *(Phụ lục 2)*.

3. Dịch vụ Tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước

a) Chất lượng dịch vụ được căn cứ và xác định trên cơ sở các văn bản: Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc Hệ thống hành chính nhà nước; Thông tư 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: *(Phụ lục 3)*.

4. Dịch vụ thiết lập, duy trì và bảo quản hệ thống chuẩn đo lường

a) Chất lượng dịch vụ được căn cứ và xác định trên cơ sở các văn bản: Luật đo lường; Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; Nghị định 105/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: *(Phụ lục 4)*.

5. Dịch vụ chuyên giao, triển khai các ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

a) Chất lượng dịch vụ được căn cứ và xác định trên cơ sở các văn bản: Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái và các văn bản quy định pháp luật hiện hành.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: *(Phụ lục 5)*.

Điều 5. Nghiệm thu chất lượng, thanh toán dịch vụ, quyết toán kinh phí

1. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái được thực

hiện trên các tiêu chí tại các phụ lục kèm theo quy định này và sử dụng phương thức đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt”. Chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Đạt” nếu có từ 80% trở lên các tiêu chí (bước công việc) của dịch vụ đó được đánh giá là “Đạt”, ngược lại thì đánh giá chất lượng dịch vụ đó là “Không đạt”.

2. Kinh phí thanh toán dịch vụ cho đơn vị cung ứng dịch vụ được căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng của dịch vụ được quy định tại Điều 5 của Quy định này, cụ thể như sau:

- Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Đạt”, được thanh toán 100% kinh phí.

- Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Không đạt”, không được thanh toán kinh phí.

- Nếu hết niên độ ngân sách, đơn vị cung ứng dịch vụ chưa khắc phục xong chất lượng dịch vụ thì chưa được thanh toán.

- Các vấn đề phát sinh bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh...trong quá trình cung ứng dịch vụ hoặc phải tạm dừng tổ chức theo văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền thì được thanh toán các chế độ về tiền lương và các khoản đóng góp theo quy định và các khoản chi hoạt động thường xuyên.

3. Quyết toán kinh phí: Đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ

1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí, chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo các quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Hằng năm hoặc đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ công lĩnh vực khoa học và công nghệ theo Quy định này.

3. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ công lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Điều 7. Kiểm định chất lượng dịch vụ công

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá, các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ muốn kiểm định chất lượng các dịch vụ sẽ tiến hành thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định thực hiện kiểm định chất lượng các dịch vụ công. Kinh phí thực hiện kiểm định theo các quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ khi nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh đạt hiệu quả.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ khi Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, danh mục, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ khả năng ngân sách, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc giao nhiệm vụ, đặt hàng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái

Thực hiện kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán kịp thời theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các quy định tại Quyết định này; hết năm ngân sách xác nhận số kinh phí thanh toán trong năm của đơn vị sử dụng ngân sách

như: Bảng đối chiếu dự toán, tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại Kho bạc Nhà nước,...

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ

1. Phối hợp với các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, kinh phí thực hiện dịch vụ.
2. Tổ chức cung ứng các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị thực hiện cung cấp.
4. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ theo đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.
5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất tình hình thực hiện dịch vụ theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định.
2. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ về sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 10/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thay thế.
2. Đối với dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Yên Bái do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái điều chỉnh, bổ sung, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ

chế, danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá, số lượng, khối lượng sản phẩm hoặc điều chỉnh về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Yên Bái theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



Phụ lục 01

**THẺ CHỈ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LĨNH VỰC
NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

theo Quyết định số **2471** /QĐ-UBND ngày **09** /11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Xây dựng dự thảo Kế hoạch và các văn bản có liên quan đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền			
1.1	Kiểm tra kế hoạch kiểm xạ theo tháng			
1.2	Kiểm tra kế hoạch kiểm định theo tháng			
2	Đảm bảo chất lượng của thiết bị, phương tiện thực hiện dịch vụ.			
2.1	Kiểm tra, đối chiếu thiết bị thực tế với danh mục trang thiết bị được khai báo trong hồ sơ			
2.2	Kiểm tra thời hạn hiệu chuẩn của thiết bị			
2.3	Kiểm tra phòng lưu giữ, bảo quản thiết bị			
3	Đảm bảo phương tiện bảo hộ cho nhân viên thực hiện dịch vụ đầy đủ về số lượng và kiểm tra chất lượng định kỳ			
3.1	Kiểm tra trang thiết bị theo danh mục được khai báo			
3.2	Kiểm tra kết quả đọc liều kế			
4	Đảm bảo chất lượng và số lượng nhân viên thực hiện dịch vụ			
4.1	Kiểm tra chứng chỉ hành nghề của các nhân viên thực hiện dịch vụ;			
4.2	Kiểm tra chứng nhận tham gia lớp tập huấn về an toàn bức xạ trong y tế.			
II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN			
5	Quy trình thực hiện dịch vụ.			
5.1	Kiểm tra các bước trong quy trình thực hiện dịch vụ thông qua các hồ sơ và kết quả đã thực hiện			
5.2	Kiểm tra phản hồi từ các cơ sở đã đăng ký thực hiện dịch vụ đánh giá việc đảm bảo bảo an toàn của các nhân viên thực hiện dịch vụ			
6	Công tác giải quyết khiếu nại của tổ chức và cá nhân.			
6.1	Kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và giải quyết khiếu nại thông qua hồ sơ lưu trữ			
7	Trả kết quả và lưu hồ sơ thực hiện dịch vụ.			
7.1	Kiểm tra hồ sơ lưu trữ kết quả các dịch vụ đã được thực hiện			



Phụ lục 02
TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
ỦY BAN KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO, THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG
HÓA THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số **2471** /QĐ-UBND ngày **09** /11/2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác kiểm định			
1.1	Kiểm tra trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm định theo yêu cầu tại Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam			
1.2	Kiểm tra công tác kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ đối với chuẩn đo lường			
2	Kiểm định viên			
2.1	Kiểm tra công tác đào tạo và chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên			
II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN.			
3	Kết quả tiếp nhận và xử lý phương tiện đo			
3.1	Kiểm tra phiếu xác nhận về số lượng, chủng loại phương tiện đo			
4	Kết quả kiểm định theo quy trình kiểm định.			
4.1	Kiểm tra kết quả theo quy trình kiểm định theo yêu cầu tại Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam đối với từng loại phương tiện đo			
5	Kiểm tra đo lường.			
5.1	Kiểm tra kết quả thông qua biên bản kiểm định.			
6	Kết quả xử lý chung sau kiểm định			
6.1	Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định (tem kiểm định, dấu kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định ...) theo quy định			
6.2	Kiểm tra hồ sơ lưu			

ay

**Phụ lục 03**

**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
 CÔNG TÁC TƯ VẤN XÂY DỰNG, ÁP DỤNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
 CHẤT LƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

theo Quyết định số **2471** /QĐ-UBND ngày **09** /11/2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
1	Lập kế hoạch Tư vấn xây dựng, áp dụng và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng			
1.1	Công tác lập kế hoạch đánh giá thực trạng tình hình quản lý chất lượng của cơ quan			
1.2	Công tác lập kế hoạch xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng, gồm thời gian, số ngày công và lượng công việc			
2	Đào tạo kiến thức			
2.1	Kết quả đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng			
2.2	Kết quả đào tạo cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc			
2.3	Kết quả đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ và thực hiện đánh giá nội bộ			
3	Kết quả hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng (gọi tắt là Ban Chỉ đạo ISO)			
4	Kết quả hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc			
5	Kết quả hướng dẫn xây dựng mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu quy định			
6	Kết quả hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng			
7	Kết quả hướng dẫn áp dụng quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng			
8	Kết quả hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ			
9	Hướng dẫn thực hiện hành động khắc phục, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng đối với các điểm không phù hợp trong quá trình đánh giá nội bộ			
10	Kết quả hướng dẫn hoạt động tiến hành xem xét của Lãnh đạo			
11	Kết quả hướng dẫn hoạt động hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng.			
12	Hồ sơ, thủ tục công bố phù hợp tiêu chuẩn.			
13	Báo cáo, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sau công bố			



Phụ lục 04

**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
 THIẾT LẬP, DUY TRÌ VÀ BẢO QUẢN HỆ THỐNG CHUẨN ĐO LƯỜNG**

theo Quyết định số **2471** /QĐ-UBND ngày **09** /11/2021
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I	HỒ SƠ QUẢN LÝ			
1	Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường			
2	Công tác lập kế hoạch thiết lập, duy trì và bảo quản hệ thống chuẩn đo lường (dự toán kinh phí kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng, bảo trì... chuẩn đo lường)			
3	Xây dựng kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn chuẩn đo lường			
4	Phê duyệt kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn chuẩn đo lường			
5	Triển khai hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng, bảo trì chuẩn đo lường			
II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN			
6	Kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường			
7	Kiểm tra giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với chuẩn đo lường			
8	Kiểm tra công tác bảo quản chuẩn đo lường			
9	Kiểm tra hồ sơ lưu trữ về thiết lập, duy trì và bảo quản hệ thống chuẩn đo lường			



Phụ lục 05

**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHUYỂN GIAO, TRIỂN KHAI CÁC ỨNG DỤNG KỸ THUẬT
VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG.**

Quyết định số **2471/QĐ-UBND** ngày **09/11/2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I	HỒ SƠ QUẢN LÝ			
1	Danh mục nhiệm vụ			
2	Bản thuyết minh nhiệm vụ			
3	Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.			
4	Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.			
5	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ			
6	Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm			
7	Sổ nhật ký của nhiệm vụ			
8	Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ			
II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN			
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chuyển giao thành tựu khoa học và công nghệ			
1.1	Nhân sự thực hiện (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có trình độ đại học trở lên, trình độ chuyên môn phù hợp và kinh nghiệm trong tổ chức triển khai xây dựng mô hình)			
1.2	Biên soạn tài liệu (đầy đủ các nội dung kỹ thuật, đảm bảo tính logic, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng)			
2	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình khoa học và công nghệ			
2.1	Kết quả triển khai xây dựng mô hình			
2.2	Hồ sơ tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và chứng từ thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành			